

NHU CẦU THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC

TT	SỔ Y TẾ BÌNH ĐỊNH	Số lượng viên chức hiện có mặt						Số lượng viên chức hạng IV và tương đương đăng ký thăng hạng III	Ghi chú
		Tổng số	Chức danh nghề nghiệp hạng I và tương đương	Chức danh nghề nghiệp hạng II và tương đương	Chức danh nghề nghiệp hạng III và tương đương	Chức danh nghề nghiệp hạng IV và tương đương	Chức danh nghề nghiệp hạng V và tương đương		
I	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	104	1	8	54	41	0	14	
1	Viên chức lãnh đạo, quản lý	2	0	1	1	0	0	0	
1.1	Bác sĩ đa khoa	2		1	1				
2	Viên chức quản lý khoa, phòng	16		4	12	0	0	0	
2.1	Bác sĩ đa khoa	5		4	1				
2.2	Y tế công cộng	1			1				
2.3	Dược sĩ	2			2				
2.4	Điều dưỡng	3			3				
2.5	Kỹ thuật y	2			2				
2.6	Chuyên viên	1			1				
2.7	Kế toán viên	2			2				
3	Viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo quản lý	86	1	3	41	41	0	14	
3.1	Bác sĩ đa khoa	7	1	2	4			0	
3.2	Bác sĩ y học dự phòng	0							
3.3	Y sĩ (1 đã tốt nghiệp bác sĩ, 1 đang học bác sĩ)	2				2			
3.4	Dinh dưỡng	0							
3.5	Dược sĩ	6		1	2	3		1	
3.6	Điều dưỡng	49			18	31		12	
3.7	Kỹ thuật y	10			7	3			
3.8	Công tác xã hội	1			1				
3.9	Chuyên viên	1			1				
3.10	Kế toán viên	6			4	2		1	
3.11	Lưu trữ viên	1			1				
3.12	Kỹ sư	1			1				
3.13	Quản trị viên hệ thống	2			2				
II	Bệnh viện Tâm thần	107	0	6	71	30	0	6	
1	Viên chức lãnh đạo, quản lý	2	0	2	0	0	0	0	
1.1	Chức danh viên chức hành chính	0							
1.2	Chức danh viên chức kỹ sư	0							
1.3	Chức danh nghề nghiệp Bác sĩ đa khoa	2		2					
2	Viên chức quản lý khoa, phòng	22	0	3	19	0	0	0	
2.1	Bác sĩ đa khoa	5		2	3				
2.2	Bác sĩ y học cổ truyền	1			1				
2.3	Y sĩ	0							
2.4	Y tế công cộng	0							
2.5	Dược sĩ	2			2				
2.6	Điều dưỡng	7			7				
2.7	Kỹ thuật y	2		1	1				
2.8	Chuyên viên	2			2				
2.9	Kế toán viên	2			2				
2.10	Công tác xã hội	1			1				
2.11	Lưu trữ viên	0							
2.12	Kỹ sư	0							
2.13	Quản trị viên hệ thống	0							
3	Viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo quản lý	83	0	1	52	30	0	6	

TT	SỐ Y TẾ BÌNH ĐỊNH	Số lượng viên chức hiện có mặt						Số lượng viên chức hạng IV và tương đương đăng ký thăng hạng III	Ghi chú
		Tổng số	Chức danh nghề nghiệp hạng I và tương đương	Chức danh nghề nghiệp hạng II và tương đương	Chức danh nghề nghiệp hạng III và tương đương	Chức danh nghề nghiệp hạng IV và tương đương	Chức danh nghề nghiệp hạng V và tương đương		
3.1	Bác sĩ đa khoa	11			11			0	
3.2	Bác sĩ y học cổ truyền	0							
3.3	Y sĩ	1				1			
3.4	Y tế công cộng	1			1				
3.5	Dược sĩ	7		1	1	5			
3.6	Điều dưỡng	41			21	20		5	
3.7	Kỹ thuật y	7			4	3		1	
3.8	Chuyên viên	5			5				
3.9	Kế toán viên	6			6				
3.10	Công tác xã hội	1			1				
3.11	Công nghệ thông tin	1			1				
3.12	Kỹ thuật viên	1				1			
3.13	Văn thư viên	0							
3.14	Quản trị viên hệ thống	1			1				
III	Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	156	0	4	92	60	0	10	
1	Viên chức lãnh đạo, quản lý	3	0	3	0	0	0	0	
1.1	Chức danh viên chức hành chính	0							
1.2	Chức danh viên chức kỹ sư	0							
1.3	Chức danh nghề nghiệp Bác sĩ đa khoa	0							
1.4	Bác sỹ y học cổ truyền	3		3					
2	Viên chức quản lý khoa, phòng	21	0	1	19	1	0	1	
2.1	Chức danh viên chức hành chính	2			2				
2.2	Chức danh viên chức kỹ sư	0							
2.3	Bác sỹ y học cổ truyền	4		1	3				
2.4	Dược sĩ	2			2				
2.5	Kỹ thuật y	3			3				
2.6	Điều dưỡng	9			8	1		1	
2.7	Kế toán viên	1			1				
3	Viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo quản lý	132	0	0	73	59	0	9	
3.1	Chức danh viên chức hành chính	3			3			1	
3.2	Chức danh viên chức kỹ sư	2			2				
3.3	Chức danh nghề nghiệp Bác sĩ đa khoa	2			2				
3.4	Chức danh nghề nghiệp Bác sĩ y học cổ truyền	30			30				
3.5	Dược sĩ	10			3	7		2	
3.6	Kỹ thuật y	26			10	16		1	
3.7	Điều dưỡng	51			17	34		4	
3.8	Kế toán viên	5			4	1		1	
3.9	Khác	3			2	1			
IV	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bình Định	137	0	10	96	29	2	4	
1	Viên chức lãnh đạo, quản lý	2	0	2	0	0	0	0	
1.1	Chức danh nghề nghiệp Bác sĩ đa khoa	2		2					
2	Viên chức quản lý khoa, phòng	24	0	5	19	0	0	0	
2.1	Chức danh nghề nghiệp Bác sĩ đa khoa	6		4	2				
2.2	Chức danh nghề nghiệp Y tế công cộng	5		1	4				
2.3	Chức danh viên chức Dược sĩ	1			1				
2.4	Chức danh viên chức Hộ sinh	1			1				
2.5	Chức danh viên chức Kỹ thuật y	6			6				
2.6	Chức danh viên chức Tuyên truyền viên	1			1				
2.7	Chức danh viên chức Biên tập viên	1			1				
2.8	Chức danh viên chức Chuyên viên	1			1				

TT	SỐ Y TẾ BÌNH ĐỊNH	Số lượng viên chức hiện có mặt						Số lượng viên chức hạng IV và tương đương đăng ký thăng hạng III	Ghi chú
		Tổng số	Chức danh nghề nghiệp hạng I và tương đương	Chức danh nghề nghiệp hạng II và tương đương	Chức danh nghề nghiệp hạng III và tương đương	Chức danh nghề nghiệp hạng IV và tương đương	Chức danh nghề nghiệp hạng V và tương đương		
2.9	Chức danh viên chức Kế toán viên	2			2				
3	<i>Viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo quản lý</i>	111	0	3	77	29	2	4	
3.1	Chức danh nghề nghiệp Bác sĩ đa khoa	9		3	6				
3.2	Chức danh nghề nghiệp Bác sĩ y học dự phòng	11			11				
3.3	Chức danh nghề nghiệp Y tế công cộng	6			6			0	
3.4	Chức danh viên chức Dược sĩ	7			3	4			
3.5	Chức danh viên chức Hộ sinh	9			6	3		1	
3.6	Chức danh viên chức Điều dưỡng	6			3	3			
3.7	Chức danh viên chức Y sĩ	12				12			
3.8	Chức danh viên chức Kỹ thuật y	23			19	4		1	
3.9	Chức danh viên chức Kỹ sư	9			8	1			
3.10	Chức danh viên chức Biên tập viên	1			1				
3.11	Chức danh viên chức Công nghệ thông tin	2			2				
3.12	Chức danh viên chức Chuyên viên, Hành chính	6			3	1	2	1	
3.13	Chức danh viên chức Văn thư, Lưu trữ	3			3				
3.14	Chức danh viên chức Kế toán viên	7			6	1		1	
V	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm	24	0	1	20	3	0	1	
1	<i>Viên chức lãnh đạo, quản lý</i>	1	0	0	1	0	0	0	
1.1	Chức danh viên chức kỹ sư	1			1				
2	<i>Viên chức quản lý khoa, phòng</i>	5	0	1	4	0	0	0	
2.1	Chức danh viên chức Dược	3		1	2				
2.2	Chức danh viên chức kỹ sư	2			2				
3	<i>Viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo quản lý</i>	18	0	0	15	3	0	1	
3.1	Chức danh viên chức kỹ sư	3			3				
3.2	Chức danh nghề nghiệp dược sĩ	13			11	2		1	
3.3	Chức danh viên chức hành chính (chuyên viên)	1			1				
3.4	Chức danh viên chức Kế toán viên trung cấp	1				1			
3.5.	Văn thư viên trung cấp	0							
VI	Trung tâm Giám định y khoa	11	0	2	6	3	0	3	
1	<i>Viên chức lãnh đạo, quản lý</i>	2	0	2	0	0	0	0	
1.1	Chức danh viên chức hành chính	0							
1.2	Chức danh viên chức kỹ sư	0							
1.3	Chức danh nghề nghiệp Bác sĩ	2		2					
2	<i>Viên chức quản lý khoa, phòng</i>	0	0	0	0	0	0	0	
2.1	Chức danh viên chức hành chính	0							
2.2	Chức danh viên chức kỹ sư	0							
3	<i>Viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo quản lý</i>	9	0	0	6	3	0	3	
3.1	Chức danh viên chức hành chính	0							
3.2	Chức danh viên chức kỹ sư	0							
3.3	Chức danh nghề nghiệp Bác sĩ đa khoa	1			1				
3.4	Chức danh nghề nghiệp Bác sĩ y học cổ truyền	0							
3.5	Chức danh kế toán viên	1			1				
3.6	Chức danh chuyên viên	1			1				
3.7	Chức danh văn thư	0							
3.8	Chức danh điều dưỡng	6			3	3		3	
VII	Trung tâm Công tác xã hội và Bảo trợ xã hội	20	0	1	14	5	0	1	
1	<i>Viên chức lãnh đạo, quản lý</i>	2	0	1	1	0	0	0	
1.1	Chức danh viên chức hành chính	0							
1.2	Chức danh viên chức kỹ sư	0							
1.3	Chức danh nghề nghiệp Bác sĩ đa khoa	0							

TT	SỐ Y TẾ BÌNH ĐỊNH	Số lượng viên chức hiện có mặt						Số lượng viên chức hạng IV và tương đương đăng ký thăng hạng III	Ghi chú
		Tổng số	Chức danh nghề nghiệp hạng I và tương đương	Chức danh nghề nghiệp hạng II và tương đương	Chức danh nghề nghiệp hạng III và tương đương	Chức danh nghề nghiệp hạng IV và tương đương	Chức danh nghề nghiệp hạng V và tương đương		
1,4	Chức danh Giám đốc	1		1					
1,5	Chức danh Phó Giám đốc	1			1				
2	<i>Viên chức quản lý khoa, phòng</i>	5	0	0	5	0	0	0	
2.1	Chức danh viên chức hành chính	0							
2.2	Chức danh viên chức kỹ sư	0							
2.3	Chức danh Trưởng phòng	2			2				
2,4	Chức danh Phó Trưởng phòng	3			3				
3	<i>Viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo quản lý</i>	13	0	0	8	5	0	1	
3.1	Chức danh viên chức hành chính	0							
3.2	Chức danh viên chức kỹ sư	0							
3.3	Chức danh nghề nghiệp Bác sĩ đa khoa	0							
3.4	Chức danh nghề nghiệp Bác sĩ y học cổ truyền	0							
3.5	Chức danh Chuyên viên về tổ chức bộ máy	1			1				
3.6	Chức danh Chuyên viên về Hành chính văn phòng	1			1				
3.7	Chức danh Công tác xã hội viên	4			4			1	
3.8	Chức danh Văn thư viên	1			1				
3.9	Chức danh Kế toán viên	1			1				
3.10	Chức danh Cán sự về hành chính – văn phòng	1				1			
3.11	Chức danh Điều dưỡng hạng IV	1				1			
3.12	Chức danh Kỹ thuật y hạng IV	1				1			
3.13	Chức danh Y sĩ hạng IV	1				1			
3.14	Chức danh Nhân viên công tác xã hội	1				1			
VIII	Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn	42	0	0	19	23	0	15	
1	<i>Viên chức lãnh đạo, quản lý</i>	3	0	0	3	0	0	0	
1.1	Chức danh viên chức hành chính	3			3				
1.2	Chức danh viên chức kỹ sư	0							
1.3	Chức danh nghề nghiệp Bác sĩ đa khoa	0							
2	<i>Viên chức quản lý khoa, phòng</i>	8	0	0	6	2	0	1	
2.1	Chức danh viên chức hành chính	6			6				
2.2	Chức danh viên chức kỹ sư	0							
2.3	Chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng hạng IV	1				1		1	
2.4	Chức danh nghề nghiệp Y sỹ hạng IV	1				1			
3	<i>Viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo quản lý</i>	31	0	0	10	21	0	14	
3.1	Chức danh viên chức hành chính	2			1	1		1	
3.2	Chức danh viên chức Lưu trữ viên	1			1				
3.3	Chức danh viên chức Kế toán viên	1				1		1	
3.4	Chức danh viên chức kỹ sư	0							
3.5	Chức danh nghề nghiệp Bác sĩ đa khoa	0							
3.6	Chức danh nghề nghiệp Bác sĩ y học cổ truyền	0							
3.7	Chức danh nghề nghiệp công tác xã hội	20			8	12		9	
3.8	Chức danh nghề nghiệp Y sỹ hạng IV	3				3			
3.9	Chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng hạng IV	3				3		3	
3.10	Chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật Y hạng IV	1				1			

DANH SÁCH VIÊN CHỨC ĐĂNG KÝ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỪ HẠNG IV VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG LÊN HẠNG III VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG NĂM 2025

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Yêu cầu về trình độ đào tạo, bồi dưỡng										Ghi chú
		Nam	Nữ				Hệ số lương	Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp hạng III: bác sĩ/ bác sĩ y học dự phòng/ được sĩ y tế công cộng/ điều dưỡng/ hộ sinh/ kỹ thuật y/ dân số	Chứng Chỉ hành nghề hoặc Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh				Chứng chỉ đạt chuẩn viên chức dân số đối với trường hợp tốt nghiệp đại học nhóm ngành khác		
													Số Chứng chỉ hành nghề hoặc Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh		Phạm vi hoạt động chuyên môn theo Chứng chỉ hành hoặc Giấy phép nghề khám bệnh, chữa bệnh	Trình độ chuyên môn khi được cấp Chứng chỉ hoặc Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh			
													Số hiệu Chứng chỉ (...../.....)	Ngày tháng năm cấp Chứng chỉ					
I	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi:																		
1	Trần Thị Việt		23/08/1988	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Lao phổi và Lao - HIV - Kháng thuốc, Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Bình Định	13 năm 5 tháng	3,34	V.08.05.13	Đại học ngành Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng hạng III	002017/BD - CCHN	25/04/2023	Theo quy định tại TT số 26/2015/TTLT - BYT - BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Cao đẳng Điều dưỡng			
2	Huỳnh Thị Thanh Trâm		01/02/1982	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Lao phổi và Lao - HIV - Kháng thuốc, Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Bình Định	17 năm 05 tháng	3,96	V.08.05.13	Đại học ngành Điều dưỡng	Tin học B	Tiếng Anh B1	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng hạng III	002005/BD - CCHN	21/11/2013	Theo quy định tại TT số 26/2015/TTLT - BYT - BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Trung cấp Điều dưỡng			
3	Trương Thị Lưu Phú		24/07/1990	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Lao phổi và Lao - HIV - Kháng thuốc, Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Bình Định	13 năm 5 tháng	3,34	V.08.05.13	Đại học ngành Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng hạng III	000295/BD - GPHN	16/08/2024	Theo quy định tại TT số 26/2015/TTLT - BYT - BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Đại học ngành Điều dưỡng			
4	Trần Thị Thảo		22/08/1992	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Lao phổi và Lao - HIV - Kháng thuốc, Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Bình Định	11 năm 3 tháng	2,72	V.08.05.13	Đại học ngành Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng hạng III	000294/BD - GPHN	16/08/2024	Theo quy định tại TT số 26/2015/TTLT - BYT - BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Đại học ngành Điều dưỡng			
5	Lê Bích Thủy		20/02/1989	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Lao phổi và Lao - HIV - Kháng thuốc, Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Bình Định	10 năm 6 tháng	3,34	V.08.05.13	Đại học ngành Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng hạng III	000340/BD - GPHN	25/09/2024	Theo quy định tại TT số 26/2015/TTLT - BYT - BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Đại học ngành Điều dưỡng			
6	Hồ Thị Ly		10/04/1987	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Bệnh phổi - Lao ngoài phổi - Phục hồi chức năng và Y học cổ truyền, Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Bình Định	16 năm	3,34	V.08.05.13	Đại học ngành Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh bậc 2	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng hạng III	000337/BD-GPHN	11/09/2024	Theo quy định tại TT số 26/2015/TTLT - BYT - BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Đại học ngành Điều dưỡng			
7	Bùi Thị Bích Ngọc		10/12/1990	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Bệnh phổi - Lao ngoài phổi - Phục hồi chức năng và Y học cổ truyền, Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Bình Định	13 năm 11 tháng	3,34	V.08.05.13	Đại học ngành Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng hạng III	001997/BD-CCHN	21/11/2013	Tiêm (chích), thay băng, đếm mạch, đo nhiệt độ, huyết áp.	Điều dưỡng trung học			
8	Hồ Thị Ngọc Chi		29/05/1990	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Bệnh phổi - Lao ngoài phổi - Phục hồi chức năng và Y học cổ truyền, Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Bình Định	12 năm 10 tháng	3.34	V.08.05.13	Đại học ngành Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng hạng III	001993/BD-CCHN	21/11/2013	Tiêm (chích), thay băng, đếm mạch, đo nhiệt độ, huyết áp.	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Yêu cầu về trình độ đào tạo, bồi dưỡng										Ghi chú
		Nam	Nữ				Hệ số lương	Mã số chức danh nghề nghề hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghề hạng III: bác sĩ/ bác sĩ y học dự phòng/ được sĩ/ y tế công cộng/ điều dưỡng/ hộ sinh/ kỹ thuật y/ dân số	Chứng Chỉ hành nghề hoặc Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh				Chứng chỉ đạt chuẩn viên chức dân số đối với trường hợp tốt nghề nghiệp đại học nhóm ngành khác		
													Số Chứng chỉ hành nghề hoặc Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh	Số hiệu Chứng chỉ (...../.....)	Ngày tháng năm cấp Chứng chỉ	Phạm vi hoạt động chuyên môn theo Chứng chỉ hành hoặc Giấy phép nghề khám bệnh, chữa bệnh		Trình độ chuyên môn khi được cấp Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh	
9	Phạm Thị Ly		12/07/1991	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Bệnh phổi - Lao ngoài phổi - Phục hồi chức năng và Y học cổ truyền, Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Bình Định	11 năm 5 tháng	2.72	V.08.05.13	Đại học ngành Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghề Điều dưỡng hạng III	004643/BD-CCHN	14/01/2022	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2025/TTLT- BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghề điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y.	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			
10	Trần Thị Thu Bân		01/10/1992	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Bệnh phổi - Lao ngoài phổi - Phục hồi chức năng và Y học cổ truyền, Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Bình Định	7 năm	2.72	V.08.05.13	Đại học ngành Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghề Điều dưỡng hạng III	006499/BD-CCHN	14/06/2019	Thực hiện theo chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BNV ngày 07/10/2015	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			
11	Trần Huyền Ngân		04/04/1996	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Bệnh phổi - Lao ngoài phổi - Phục hồi chức năng và Y học cổ truyền, Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Bình Định	5 năm	2.41	V.08.05.13	Đại học ngành Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghề Điều dưỡng hạng III	007304/BD-CCHN	17/03/2021	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2025/TTLT- BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y.	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			
12	Võ Thành Phương	20/10/1984		Điều dưỡng hạng IV	Khoa Khám bệnh - Cấp cứu - Hồi sức tích cực - Chống độc, Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Bình Định	14 năm	3,06	V.08.05.13	Đại học ngành Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh bậc 2	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghề Điều dưỡng hạng III	002008/BD-CCHN	17/11/2023	Thực hiện theo chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BNV ngày 07/10/2015	Đại học ngành Điều dưỡng			
13	Phùng Thị Mỹ Hương		18/11/1987	Dược hạng IV	Khoa Dược - Vật tư, thiết bị y tế, Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Bình Định	14 năm 9 tháng	3,34	V.08.08.23	Đại học ngành Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề Dược sĩ hạng III	Số: 137/BD-CCHND	28/10/2013	Quản thuốc , Đại lý bán thuốc của doanh nghiệp	Trung cấp Dược			
14	Bùi Thị Kim Uyên		04/06/1972	Kế toán viên trung cấp (Hạng IV)	Phòng Tài chính - Kế toán, Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Bình Định	12 năm	3,66	V.06.032	Đại học ngành Kế toán	Tin học A	Tiếng Anh B								
II	Bệnh viện Tâm thần:																		
1	Tạ Hữu Lộc	16/09/1989		Điều dưỡng hạng IV	Khoa Điều trị Nam, Bệnh viện Tâm thần	9 năm 04 tháng	3,34	V.08.05.13	Đại học ngành Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B	Chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng hạng III	000408/BD-GPHN	18/11/2024	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghề điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Đại học ngành Điều dưỡng			
2	Bùi Như Ý	14/11/1991		Điều dưỡng hạng IV	Khoa Điều trị Nam, Bệnh viện Tâm thần	3 năm 2 tháng	2,72	V.08.05.13	Đại học ngành Điều dưỡng	Tin học B	Tiếng Anh B	Chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng hạng III	004693/BD- CCHN	18/1/2023	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Đại học ngành Điều dưỡng			

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Yêu cầu về trình độ đào tạo, bồi dưỡng										Ghi chú
		Nam	Nữ				Hệ số lương	Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp hạng III: bác sĩ/ bác sĩ y học dự phòng/ được sĩ y tế công cộng/ điều dưỡng/ hộ sinh/ kỹ thuật y/ dân số	Chứng Chỉ hành nghề hoặc Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh				Chứng chỉ đạt chuẩn viên chức dân số đối với trường hợp tốt nghiep đại học nhóm ngành khác		
													Số Chứng chỉ hành nghề hoặc Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh		Phạm vi hoạt động chuyên môn theo Chứng chỉ hành hoặc Giấy phép nghề khám bệnh, chữa bệnh	Trình độ chuyên cấp Chứng chỉ hoặc Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh			
													Số hiệu Chứng chỉ (...../.....)	Ngày tháng năm cấp Chứng chỉ					
3	Lê Nguyên Hùng	15/11/1986		Điều dưỡng hạng IV	Khoa Điều trị Nam, Bệnh viện Tâm thần	03 năm 2 tháng	3,03	V.08.05.13	Đại học ngành Điều dưỡng	Tin học B	Tiếng Anh B	Chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng hạng III	007923/BD-CCHN	14/6/2023	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Đại học ngành Điều dưỡng			
4	Phạm Như Thủy		10/07/1992	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Khám bệnh - Cấp cứu, Bệnh viện tâm thần	11năm 04 tháng	3,03	V.08.05.13	Đại học ngành Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng anh B1	Chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng hạng III	000078/BD- GPHN	13/5/2024	Thực hiện phạm vi chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT- BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y.	Đại học ngành Điều dưỡng			
5	Lê Thị Ngọc		31/01/1990	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Khám bệnh - Cấp cứu, Bệnh viện tâm thần	12 năm 01 tháng	2,1	V.08.05.13	Đại học ngành Điều dưỡng	Tin học B	Tiếng anh B	Chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng hạng III	000070/BD- GPHN	13/5/2024	Thực hiện phạm vi chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT- BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y.	Đại học ngành Điều dưỡng			
6	Nguyễn Thị Thủy Linh		26/11/1994	Kỹ thuật y hạng IV	Khoa Phục hồi chức năng, Bệnh viện Tâm thần	06 năm 06 tháng	2,72	V.08.07.19	Đại học ngành kỹ thuật phục hồi chức năng	Tin học B	Tiếng anh B	Chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp kỹ thuật y hạng III	005115/BD - CCHN	19/9/2016	Kỹ thuật viên Vật lý trị liệu, Phục hồi chức năng	Cao đẳng Vật lý trị liệu, Phục hồi chức năng			
III	Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng:																		
1	Hà Diệu Hằng		02/01/1994	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Nội 1, Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	4 năm 3 tháng	2,41	V.08.05.13	Đại học ngành Điều dưỡng	Tin học B	Tiếng Anh C	Chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng hạng III	005046/BD-CCHN	29/12/2023	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Đại học ngành Điều dưỡng			
2	Nguyễn Thị Như Ý		04/8/1993	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Nội 1, Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	3 năm 6 tháng	2,72	V.08.05.13	Đại học ngành Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B	Chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng hạng III	004928/BD-CCHN	29/12/2023	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Đại học ngành Điều dưỡng			
3	Trần Hoài Thương		04/6/1979	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Nội 1, Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	3 năm 6 tháng	3.65	V.08.05.13	Đại học ngành Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B	Chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng hạng III	002691/BD-CCHN	29/12/2023	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Đại học ngành Điều dưỡng			

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Yêu cầu về trình độ đào tạo, bồi dưỡng										Ghi chú
		Nam	Nữ				Hệ số lương	Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp hạng III: bác sĩ/ bác sĩ y học dự phòng/ được sĩ/ y tế công cộng/ điều dưỡng/ hộ sinh/ kỹ thuật y/ dân số	Chứng Chỉ hành nghề hoặc Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh				Chứng chỉ đạt chuẩn viên chức dân số đối với trường hợp tốt nghiệp đại học nhóm ngành khác		
													Số Chứng chỉ hành nghề hoặc Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh		Phạm vi hoạt động chuyên môn theo Chứng chỉ hành hoặc Giấy phép nghề khám bệnh, chữa bệnh	Trình độ chuyên môn khi được cấp Chứng chỉ hoặc Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh			
													Số hiệu Chứng chỉ (...../.....)	Ngày tháng năm cấp Chứng chỉ					
4	Đỗ Thị Ca		03/5/1997	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Nội - Nhi, Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	06 năm 02 tháng	2,72	V.08.05.13	Đại học ngành Điều dưỡng	Tin học B	Tiếng Anh B	Chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng hạng III	000525/BD-GPHN	26/2/2025	Quy định tại Phụ lục số XII ban hành kèm theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế về việc quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh	Đại học ngành Điều dưỡng			
5	Lê Thị Lợi		10/11/1979	Hộ sinh hạng IV	Khoa Ngoại - Phụ Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	21 năm 9 tháng	3,96	V.08.06.16	Đại học ngành Điều dưỡng chuyên ngành Phụ sản	Tin học B	Tiếng Anh B	Chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Nữ hộ sinh hạngIII	002709/BD-CCHN	2/11/2023	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư 26/2015/TTLT- BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2025 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Đại học ngành Hộ sinh			
6	Trần Thị Nguyễn Oanh		03/02/1983	Dược hạng IV	Khoa Dược - Vật tư, thiết bị y tế, Bệnh viện y học cổ truyền và phục hồi chức năng Bình Định	14 năm	3,34	V.08.08.23	Đại học ngành Dược	Tin học B	Tiếng Anh B	Chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Dược hạng III	268/BD-CCHND	4/1/2014	Hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể sản xuất,buôn bán dược liệu, thuốc đông y, thuốc từ dược liệu; cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu.	Trung cấp Dược			
7	Nguyễn Thị Xuân Hiền		17/3/1991	Dược hạng IV	Khoa Dược - Vật tư, thiết bị y tế, Bệnh viện y học cổ truyền và phục hồi chức năng Bình Định	10 năm 06 tháng	2,72	V.08.08.23	Đại học ngành Dược	Tin học B	Tiếng Anh B	Chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Dược hạng III	850/BD-CCHND	30/12/2016	Quầy thuốc, Đại lý bán thuốc của doanh nghiệp, Tủ thuốc của trạm y tế.	Trung cấp Dược			
8	Tô Thị Mỹ Hạnh		22/6/1979	Kế toán viên trung cấp (Hạng IV)	Phòng Tài chính- Kế toán ,Bệnh viện y học cổ truyền và phục hồi chức năng Bình Định	12năm 4 tháng	3,96	V.06.032	Đại học ngành kế toán - Thạc sĩ ngành kế toán	Tin học B	Cử nhân tiếng anh						Bồi dưỡng kế toán trưởng, bồi dưỡng ngạch chuyên viên, bồi dưỡng kế toán viên		
9	Cao Thị Như Thảo		15/5/1992	Lưu trữ viên trung cấp	Phòng Tổ chức - Hành chính, Bệnh viện y học cổ truyền và phục hồi chức năng Bình Định	5 năm	2,26	V.01.02.03	Đại học ngành Luật	Tin học B	Tiếng Anh B								
10	Huỳnh Thị Bích Nga		06/8/1988	Kỹ thuật y hạng IV	Khoa cận lâm sàng, Bệnh viện y học cổ truyền và phục hồi chức năng	16 năm 02 tháng	3,34	V.08.07.19	Đại học ngành kỹ thuật xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C		002824/BD-CCHN	23/12/2023	Xét nghiệm	Trung cấp Kỹ thuật xét nghiệm			
IV	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bình Định:																		
1	Nguyễn Thị Thủy Nhi		01/03/1995	Kỹ thuật y hạng IV	Khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh - Thăm dò chức năng, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bình Định	07 năm 01 tháng	2,41	V.08.07.19	Đại học ngành kỹ thuật Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C	Chương trình bồi dưỡng theo Chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật y							
2	Võ Thị Ngọc Toàn		20/03/1986	Y sỹ hạng IV	Khoa Sức khỏe sinh sản, Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Bình Định	16 năm 02 tháng	3,26	V.08.03.07	Đại học ngành Điều dưỡng chuyên ngành sản phụ khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B	Chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Hộ sinh hạng III	001480/BD-CCHN	27/08/2013	Khám thai, đỡ đẻ thường	Trung cấp Hộ sinh			

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Yêu cầu về trình độ đào tạo, bồi dưỡng										Ghi chú
		Nam	Nữ				Hệ số lương	Mã số chức danh nghề nghề hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp hạng III: bác sĩ/ bác sĩ y học dự phòng/ được sĩ/ y tế công cộng/ điều dưỡng/ hộ sinh/ kỹ thuật y/ dân số	Chứng Chỉ hành nghề hoặc Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh				Chứng chỉ đạt chuẩn viên chức dân số đối với trường hợp tốt nghề nghiệp đại học nhóm ngành khác		
													Số Chứng chỉ hành nghề hoặc Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh		Phạm vi hoạt động chuyên môn theo Chứng chỉ hành nghề hoặc Giấy phép nghề khám bệnh, chữa bệnh	Trình độ chuyên môn khi được cấp Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh			
												Số hiệu Chứng chỉ (...../.....)	Ngày tháng năm cấp Chứng chỉ						
3	Kiều Thị Ngọc Huyền		16/09/1993	Kế toán viên cao đẳng	Phòng Tài chính - Kế toán, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bình Định	7 năm	2,41	06a.031	Thạc sĩ ngành Kế toán	Tin học B	Tiếng Anh B	Quản lý nhà nước ngạch Chuyên viên, Chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Kế toán viên							
4	Dương Quế Trinh		04/08/1977	Cán sự	Khoa Phòng, chống HIV/AIDS, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bình Định	18 năm	3,65	01.004	Đại học ngành Quản trị kinh doanh	Tin học A	Tiếng Anh B	Quản lý nhà nước ngạch Chuyên viên							
V	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm:																		
1	Đặng Thị Tố Quyên		01/12/1991	Được hạng IV	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	11 năm 02 tháng	3,03	V.08.08.23	Đại học ngành Dược	Tin học B	Tiếng Anh B	Chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Dược							
VI	Đơn vị Trung tâm Giám định y khoa:																		
1	Võ Thị Thu Phái		29/06/1982	Điều dưỡng hạng IV	Trung tâm Giám định y khoa	16 năm 1 tháng	3,65	V.08.05.13	Đại học ngành Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1	Chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng hạng III	- Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh số: 001547/BD-CCHN - Quyết định số 280/QĐ- SYT về việc bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh đối với người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh	- Ngày 01/10/2013 - Ngày 23/01/2018	- Tiêm (chích), thay băng, đếm mạch, đo nhiệt độ, huyết áp; - Thực hiện theo chức năng nhiệm vụ của Điều dưỡng quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Trung cấp Điều dưỡng			
2	Trương Thị Minh Nguyệt		21/03/1985	Điều dưỡng hạng IV	Trung tâm Giám định y khoa	15 năm 10 tháng	3,34	V.08.05.13	Đại học ngành Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1	Chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng hạng III	- Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh số: 001935/BD - CCHN - Quyết định số 225/QĐ- SYT về việc bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh đối với người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh	- Ngày 20/11/2013 - Ngày 23/01/2018	- Tiêm (chích), thay băng, đếm mạch, đo nhiệt độ , huyết áp. - Phạm vi hoạt động chuyên môn được bổ sung: Thực hiện theo chức năng nhiệm vụ của Điều dưỡng quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Trung cấp Điều dưỡng			
3	Trần Thị Thị Nhị		08/12/1988	Điều dưỡng hạng IV	Trung tâm Giám định y khoa	14 năm 9 tháng	3,34	V.08.05.13	Đại học ngành Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1	Chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng hạng III	- Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh số: 001925/BD-CCHN - Quyết định số 885/QĐ- SYT về việc bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh đối với người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh	- Ngày 20/11/2013 - Ngày 09/04/2018	- Tiêm (chích), thay băng, đếm mạch, đo nhiệt độ, huyết áp; - Thực hiện theo chức năng nhiệm vụ của Điều dưỡng quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Trung cấp Điều dưỡng			
VIII	Trung tâm Công tác xã hội và bảo trợ xã hội :																		
1	Nguyễn Minh Phát	24/04/1986		Nhân viên Công tác xã hội hạng IV	Trung tâm Công tác xã hội và bảo trợ xã hội	6 năm 5 tháng	2,86	V.09.04.03	Đại học ngành Công tác xã hội	Tin học B	Tiếng Anh B	Giấy chứng nhận lớp đào tạo giảng viên dạy nghề công tác xã hội	Không	Không	Không	Không			
IX	Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn:																		

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Yêu cầu về trình độ đào tạo, bồi dưỡng										Ghi chú
		Nam	Nữ				Hệ số lương	Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp hạng III: bác sĩ/ bác sĩ y học dự phòng/ được sĩ y tế công cộng/ điều dưỡng/ hộ sinh/ kỹ thuật y/ dân số	Chứng Chỉ hành nghề hoặc Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh				Chứng chỉ đạt chuẩn viên chức dân số đối với trường hợp tốt nghiep đại học nhóm ngành khác		
													Số Chứng chỉ hành nghề hoặc Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh		Phạm vi hoạt động chuyên môn theo Chứng chỉ hành hoặc Giấy phép nghề khám bệnh, chữa bệnh	Trình độ chuyên môn khi được cấp Chứng chỉ hoặc Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh			
													Số hiệu Chứng chỉ (...../.....)	Ngày tháng năm cấp Chứng chỉ					
1	Huỳnh Thị Việt		22/12/1977	Trưởng phòng Phòng Y tế - Phục hồi chức năng	Phòng Y tế - Phục hồi chức năngthuộc Trung tâm Nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhon	21 năm 07 tháng	3,96	V.08.05.13	Đại học ngành Điều dưỡng	Tin học B	Tiếng Anh B	Chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng hạng III	007281/BD-CCHN	08/02/2021	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ lý, kỹ thuật y	Cao đẳng Điều dưỡng			
2	Nguyễn Thị Sơn		12/05/1990	Điều dưỡng hạng IV	Phòng Y tế - Phục hồi chức năngthuộc Trung tâm Nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhon	06 năm 05 tháng	3,34	V.08.05.13	Đại học ngành Điều dưỡng	Tin học B	Tiếng Anh B	Chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng hạng III	007279/BD-CCHN	08/02/2021	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ lý, kỹ thuật y	Cao đẳng Điều dưỡng			
3	Đinh Thị Niềm		20/10/1991	Điều dưỡng hạng IV	Phòng Y tế - Phục hồi chức năngthuộc Trung tâm Nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhon	06 năm 05 tháng	3,03	V.08.05.13	Đại học ngành Điều dưỡng	Tin học B	Tiếng Anh B	Chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng hạng III	007283/BD-CCHN	08/02/2021	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ lý, kỹ thuật y	Cao đẳng Điều dưỡng			
4	Thái Thị Thúy Hằng		01/02/1993	Điều dưỡng hạng IV	Phòng Y tế - Phục hồi chức năngthuộc Trung tâm Nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhon	06 năm 05 tháng	2,72	V.08.05.13	Đại học ngành Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B	Chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng hạng III	003871/QNG-CCHN	10/09/2016	Thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ của Điều dưỡng quy định tại Thông tư số liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015	Trung cấp Điều dưỡng			
5	Nguyễn Thị Bích Liên		22/12/1984	Phụ trách Kế toán	Phòng Hành chính - Tổng hợp thuộc Trung tâm Nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhon	15 năm 01 tháng	3,65	6.032	Đại học ngành Kế toán	Tin học B	Tiếng Anh B	Chứng chỉ bồi dưỡng ngạch Kế toán viên							
6	Đoàn Văn Hồng	14/10/1981		Cán sự	Phòng Hành chính - Tổng hợp thuộc Trung tâm Nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhon	12 năm 07 tháng	3,66	1.004	Đại học ngành công tác xã hội	Tin học B	Tiếng Anh B	Chứng chỉ quản lý nhà nước ngạch chuyên viên							
7	Lê Xuân Dũng	01/01/1982		Cán sự	Phòng Nghiệp vụ thuộc Trung tâm Nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhon	12 năm 07 tháng	3,06	1.004	Đại học ngành công tác xã hội	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B	Chứng chỉ quản lý nhà nước ngạch chuyên viên							
8	Nguyễn Văn Chương	15/10/1986		Cán sự	Phòng Nghiệp vụ thuộc Trung tâm Nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhon	15 năm 01 tháng	3,46	1.004	Đại học ngành công tác xã hội	Trung cấp tin	Tiếng Anh B	Chứng chỉ quản lý nhà nước ngạch chuyên viên							
9	Nguyễn Thị Thu Hào		13/08/1986	Cán sự	Phòng Nghiệp vụ thuộc Trung tâm Nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhon	15 năm 01 tháng	3,46	1.004	Đại học ngành công tác xã hội	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B	Chứng chỉ quản lý nhà nước ngạch chuyên viên							
10	Đặng Thị Lý		01/07/1982	Cán sự	Phòng Nghiệp vụ thuộc Trung tâm Nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhon	15 năm 01 tháng	3,46	1.004	Đại học ngành công tác xã hội	Tin học B	Tiếng Anh B	Chứng chỉ quản lý nhà nước ngạch chuyên viên							

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Yêu cầu về trình độ đào tạo, bồi dưỡng										Ghi chú
		Nam	Nữ				Hệ số lương	Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp hạng III: bác sĩ/ bác sĩ y học dự phòng/ được sĩ y tế công cộng/ điều dưỡng/ hộ sinh/ kỹ thuật y/ dân số	Chứng Chỉ hành nghề hoặc Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh				Chứng chỉ đạt chuẩn viên chức dân số đối với trường hợp tốt nghiệp đại học nhóm ngành khác		
													Số Chứng chỉ hành nghề hoặc Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh		Phạm vi hoạt động chuyên môn theo Chứng chỉ hành hoặc Giấy phép nghề khám bệnh, chữa bệnh	Trình độ chuyên môn khi được cấp Chứng chỉ hoặc Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh			
													Số hiệu Chứng chỉ (...../.....)	Ngày tháng năm cấp Chứng chỉ					
11	Nguyễn Thị Đạt		21/02/1986	Cán sự	Phòng Nghiệp vụ thuộc Trung tâm Nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn	15 năm 01 tháng	3,26	1.004	Đại học ngành công tác xã hội	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh A	Chứng chỉ quản lý nhà nước ngạch chuyên viên							
12	Trần Thị Mỹ Lệ		20/04/1987	Cán sự	Phòng Nghiệp vụ thuộc Trung tâm Nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn	15 năm 01 tháng	3,46	1.004	Đại học ngành công tác xã hội	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B	Chứng chỉ quản lý nhà nước ngạch chuyên viên							
13	Trần Thị Kim Vân		20/12/1984	Cán sự	Phòng Nghiệp vụ thuộc Trung tâm Nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn	15 năm 01 tháng	3,26	1.004	Đại học ngành công tác xã hội	Tin học A		Chứng chỉ quản lý nhà nước ngạch chuyên viên							
14	Lê Thị Mỹ Nương		10/10/1989	Cán sự	Phòng Nghiệp vụ thuộc Trung tâm Nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn	12 năm 07 tháng	3,06	1.004	Đại học ngành công tác xã hội	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B	Chứng chỉ quản lý nhà nước ngạch chuyên viên							
15	Nguyễn Thị Sen		19/04/1987	Cán sự	Phòng Nghiệp vụ thuộc Trung tâm Nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn	12 năm 07 tháng	3,26	1.004	Đại học ngành công tác xã hội	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B	Chứng chỉ quản lý nhà nước ngạch chuyên viên							
	TỔNG: 54 viên chức																		